

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Văn Bình

+ Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

TRẦN QUỐC A, sinh năm 1993 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình K và bà Mạc Thị V. Sống chung như vợ chồng với bà Huỳnh Lê Bảo H và có 01 người con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 1979;

Nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn Ngọc V1, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Khu phố A, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: Khu phố F, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Trần Thị L, sinh năm: 1965;

Nơi cư trú: Khu phố A, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Trương Trọng Đ, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Hàng Thị Tuyết M, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm: 1967;

Nơi cư trú: Khu phố D, phường K, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Khu phố G, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Khu phố A, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 01/2025, Trần Quốc A, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, đã cho nhiều người dân sinh sống trên địa bàn thành phố P - T vay tiền thu lãi cao, với 02 hình thức là vay đứng (*tức là thu tiền lãi hàng ngày chưa bao gồm tiền gốc*) và vay góp (*tức là thu tiền gốc và lãi hàng ngày*), lãi suất cho vay từ 9% đến 30%/tháng (tương đương với 108% đến 360%/năm). Quá trình cho vay, Trần Quốc A chỉ cần biết nhà, chỗ làm việc của người vay, khi cho vay không cần người vay phải thế chấp, cầm cố tài sản và không viết giấy tờ hay làm hợp đồng. Trần Quốc A là người trực tiếp đưa tiền cho vay và thu tiền lãi.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định được Anh đã cho 13 người vay tiền và thu tiền lãi, cụ thể như sau:

1. Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1979, trú tại khu phố C, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Đầu tháng 8/2023, Trần Quốc A cho chị T vay 5.000.000 đồng với hình thức vay góp trong vòng 30 ngày, cứ góp khoảng 15 ngày

được 3.000.000 đồng thì chị T đáo hạn vay 5.000.000 đồng, Trần Quốc A trừ 3.000.000 đồng của 15 ngày chị T chưa góp và chỉ đưa 2.000.000 đồng nhưng vẫn tính là vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 20%/tháng. Từ đầu tháng 8/2023 đến đầu tháng 01/2024, Anh đã cho chị T vay “trả góp” và đáo hạn được 10 lần. Tổng số tiền lãi Trần Quốc A đã thu là 10.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 410.959 đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.589.041 đồng. Hiện chị T đang nợ Anh số tiền gốc 1.600.000 đồng.

2. Anh Nguyễn Ngọc V1, sinh năm 1987, trú tại khu phố A, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Ngày 30/4/2024, Trần Quốc A cho anh V1 vay với hình thức vay đứng số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tiền lãi mỗi tháng là 600.000 đồng, tương đương 30%/tháng. Từ ngày 30/4/2024 đến ngày 30/12/2024, Anh thu tiền lãi của anh V1 được 240 ngày là 4.800.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 263.014 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.536.986 đồng. **Hiện anh V1 đã trả hết tiền gốc cho A.**

3. Chị Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1984, trú tại khu phố C, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Giữa tháng 5/2023, Trần Quốc A cho chị H1 vay với hình thức vay đứng số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương 30%/tháng. Từ giữa tháng 5/2023 đến giữa tháng 7/2023, Anh đã thu của chị H1 được 60 ngày với tổng số tiền lãi là 2.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 131.507 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.268.493 đồng. **Riêng tiền gốc 4.000.000 đồng tiền gốc còn nợ Anh thì đầu tháng 12/2024 chị H1 đã xin Anh 2.000.000 đồng và trả 2.000.000 đồng, A đồng ý và đã trả hết nợ.**

4. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1968, trú tại khu phố F, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận:

+ Lần 01: Tháng 5/2023, Anh cho chị D vay 5.000.000 đồng với hình thức vay góp trong thời hạn 38 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng lãi suất thỏa thuận 30%/tháng. Từ tháng 5/2023 đến đầu tháng 6/2023, chị D góp đủ cho Anh 38 ngày với số tiền 5.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 700.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 104.110 đồng, tiền thu lợi bất chính là 595.890 đồng.

+ Lần 02: Đầu tháng 6/2023, Anh cho chị D vay 10.000.000 đồng với hình thức vay góp thỏa thuận góp 200.000 đồng/ngày, trong thời hạn 60 ngày. Tuy nhiên do chị D gặp khó khăn về kinh tế nên thỏa thuận với Anh không tính tiền lãi của lần vay này mà chỉ trả 10.000.000 đồng tiền gốc.

* Tổng số tiền lãi Trần Quốc A đã thu của chị D là 700.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 104.110 đồng, tiền thu lợi bất chính là 595.890 đồng. **Hiện chị D đã trả hết tiền gốc cho A.**

5. Chị Trần Thị L (Út lùn, Út lệ), sinh năm 1965, trú tại khu phố A, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Tháng 01/2024, Anh cho chị L vay 3.000.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương

đương 15%/tháng. Từ tháng 01/2024 đến tháng 02/2024, Anh thu được 30 ngày với tổng số tiền lãi là 450.000 đồng trong đó tiền lãi hợp pháp là 49.315 đồng, tiền thu lợi bất chính là 400.685 đồng. **Hiện chị L đã trả hết tiền gốc cho A.**

6. Anh Trương Trọng Đ (T1), sinh năm 1990, trú tại khu phố B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Đầu tháng 4/2024, Trần Quốc A cho anh Đ với hình thức vay đứng số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 200.000 đồng/tháng, tương đương 10%/tháng. Từ đầu tháng 4/2024 đến cuối tháng 12/2024, Anh thu của anh Đ được 9 tháng với tổng số tiền lãi là 1.800.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 295.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.504.110 đồng. Hiện anh Đ đang nợ Anh số tiền gốc 400.000 đồng.

7. Chị Hàng Thị Tuyết M, sinh năm 1991, trú tại khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Tháng 7/2023, Trần Quốc A cho chị M với hình thức vay đứng số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương 30%/tháng. Từ tháng 7/2023 đến hết tháng 01/2024, Anh thu của chị M được 6 tháng (180 ngày) tiền lãi là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 295.890 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.104.110 đồng.

Đến đầu tháng 02/2024 chị M trả 1.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 2.000.000 đồng tiền gốc và tiếp tục trả lãi 10.000đ/1.000.000 đ/ngày theo hình thức vay đứng, tương đương 30%/tháng. Từ đầu tháng 02/2024 đến hết tháng 07/2024, Anh đã thu của chị M được 6 tháng (180 ngày) với số tiền lãi là 3.600.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 197.260 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.402.740 đồng. Cuối tháng 07/2024, Anh thỏa thuận với chị M đóng lãi 60.000 đồng/tuần, tương đương 12%/tháng. Từ đầu tháng 08/2024 đến hết tháng 12/2024, Anh thu của chị M được 5 tháng (150 ngày) với số tiền lãi là 1.200.00 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.035.616 đồng. Hiện chị M đang nợ Anh số tiền gốc 1.700.000 đồng.

* Tổng số tiền lãi Trần Quốc A thu của chị M là 10.200.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.542.466 đồng.

8. Chị Đường Thị Mỹ T2, sinh năm 1982, trú tại phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Giữa tháng 10/2023, Trần Quốc A cho chị T2 vay 1.500.000 đồng với hình thức vay góp, thỏa thuận trả góp 50.000 đồng/ngày, trong thời hạn 40 ngày, lãi suất thỏa thuận 25%/tháng. Từ giữa tháng 10/2023 đến đầu tháng 12/2023, Anh đã thu của chị T2 được 40 ngày với số tiền là 2.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.500.000 đồng, tiền lãi là 500.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 32.877 đồng, tiền thu lợi bất chính là 467.123 đồng. **Hiện chị T2 đã trả hết tiền gốc cho Anh vào tháng 12/2023.**

9. Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1967, trú tại khu phố D, phường K, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Đầu tháng 5/2024, Trần Quốc A cho chị P vay 5.000.000 đồng với hình thức vay góp, thỏa thuận trả góp 200.000đồng/ngày trong

thời hạn 30 ngày, tương đương lãi suất 20%/tháng. Từ đầu tháng 5/2024 đến giữa tháng 5/2024, Anh thu của chị P được 15 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, lúc này chị P vay đáo hạn 5.000.000 đồng, Anh trừ 3.000.000 đồng chưa góp của lần vay trước rồi đưa 2.000.000 đồng. Như vậy tiền lãi Anh thu được là 1.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 41.096 đồng, tiền thu lợi bất chính là 958.904 đồng.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng chị P chuyển sang hình thức vay đúng, thỏa thuận cứ 03 ngày thì đóng cho Anh 50.000 đồng, tương đương lãi suất 10%/tháng. Từ giữa tháng 5/2024 đến giữa tháng 9/2024, Anh thu của chị P được 4 tháng (120 ngày) với tổng số tiền lãi 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng.

Từ giữa tháng 9/2024 đến giữa tháng 11/2024, chị P không có tiền nên Anh không thu lãi. Từ giữa tháng 11/2024 đến cuối tháng 12/2024, Anh tiếp tục thu tiền lãi của chị P được 1,5 tháng (45 ngày), theo thỏa thuận 03 ngày đóng 50.000 đồng, với tổng số tiền lãi là 750.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 123.288 đồng, tiền thu lợi bất chính là 626.712 đồng. Hiện chị P đang nợ Anh số tiền gốc 5.000.000 đồng

* Tổng số tiền lãi Trần Quốc A đã thu của chị P là 3.750.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.256.849 đồng.

10. Chị Nguyễn Thị L1 (Q), sinh năm 1993, trú tại khu phố G, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận:

+ Cuối tháng 10/2023, Trần Quốc A cho chị L1 vay 5.000.000 đồng, sau đó khoảng 07 ngày thì cho vay tiếp 5.000.000 đồng, tổng số tiền Anh cho chị L1 vay là 10.000.000 đồng với hình thức vay góp, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong thời hạn 48 ngày, nhưng cứ góp 16 ngày được 4.000.000 đồng thì chị L1 xin đáo hạn vay 10.000.000 đồng, Anh trừ 6.000.000 đồng chưa góp và trừ tiếp 2.000.000 đồng tiền lãi rồi đưa 2.000.000 đồng, tương đương lãi suất 12,5%/tháng. Từ cuối tháng 10/2023 đến giữa tháng 02/2024, Anh đã cho chị L1 vay đáo hạn 07 lần, số tiền lãi đã thu là 14.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 613.699 đồng, tiền thu lợi bất chính là 13.386.301 đồng.

+ Giữa tháng 02/2024, chị L1 và Anh thỏa thuận chuyển từ hình thức vay góp sang hình thức vay đúng, mỗi ngày đóng 50.000 đồng/10.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 15% tháng. Từ giữa tháng 02/2024 đến cuối tháng 4/2024, Anh thu của chị L1 75 ngày với số tiền lãi là 3.750.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 410.959 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.339.041 đồng.

* Tổng số tiền lãi góp và đúng Trần Quốc A đã thu của chị L1 là 17.750.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.024.658 đồng, tiền thu lợi bất chính là 16.725.342 đồng. **Hiện chị L1 đã trả hết tiền gốc cho Anh**

11. Chị Lê Thị Mỹ N (Bà bầu), sinh năm 1988, trú tại khu phố E, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Giữa tháng 6/2023, Trần Quốc A cho chị N vay 3.000.000 đồng với hình thức vay góp, thỏa thuận mỗi ngày góp 100.000 đồng, trong thời hạn 33 ngày, tương đương lãi suất 9% tháng. Từ giữa tháng 6/2023 đến hơn giữa tháng 7/2023, Anh thu của chị N được 33 ngày với tổng số tiền là 3.300.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, tiền lãi hợp pháp là 54.247 đồng, tiền thu lợi bất chính là 245.753 đồng. **Hiện chị N đã trả hết tiền gốc cho Anh**

12. Chị Huỳnh Thị H2, sinh năm 1970, trú tại khu phố C, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Đầu tháng 4/2024, Trần Quốc A cho chị H2 vay số tiền 2.000.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương lãi suất 15%/tháng. Từ đầu tháng 4/2024 đến tháng 8/2024, Anh thu tiền lãi của chị H2 được 150 ngày với số tiền là 1.500.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng. Hiện chị H2 đang nợ Anh số tiền gốc 500.000 đồng.

13. Chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1970, trú tại khu phố A, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận: Đầu tháng 01/2024, Trần Quốc A cho chị H3 vay 5.000.000 đồng với hình thức vay đứng, thỏa thuận đóng 50.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 30%/tháng. Từ đầu tháng 01/2024 đến đầu tháng 01/2025, Anh thu của chị H3 360 ngày với tổng số tiền lãi là 18.000.00 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 986.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 17.013.699 đồng. Hiện chị H3 đang nợ Anh số tiền gốc là 5000.000 đồng.

Trong tổng số 13 người vay tiền của Trần Quốc A, thì có hai người là: chị Lê Thị Mỹ N đã vay và trả hết tiền gốc, lãi vào tháng 7/2023; chị Đ1 thị Mỹ T2 đã vay và trả hết tiền gốc, lãi vào tháng 12/2023. Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 và việc xét xử vụ án Hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định: “*trường hợp người thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên và các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần cho vay lãi nặng, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự*”. Trường hợp chị Lê Thị Mỹ N và Đường Thị Mỹ T2 vay tiền của Trần Quốc A đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không cấu thành tội phạm.

* Như vậy, tổng số tiền gốc mà Trần Quốc A đã cho 11 người vay là 156.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc Trần Quốc A đã thu lại là 141.800.000 đồng, số tiền gốc người vay còn nợ Trần Quốc A là 14.200.000 đồng. Tổng số tiền

lãi Trần Quốc A đã thu là 71.350.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 4.580.822 đồng, tiền thu lợi bất chính là 66.769.178 đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì xác định được: Trần Quốc A đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 11 người, với tổng số tiền cho vay 156.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu là 71.350.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 66.769.178 đồng.

Cáo trạng số: 10/CT-VKSNT-P1 ngày 12/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Trần Quốc A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang-T, tỉnh Ninh Thuận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; Điểm i (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng), điểm s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: đối với 01 điện thoại di động hiệu POCO C40 màu đen là phương tiện mà Trần Quốc A sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 01 năm 2025, Trần Quốc A đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố P-T vay tiền với lãi suất từ 09%/ tháng đến 30%/tháng (tương đương 108%/năm đến 360%/năm) cao gấp trên 05 lần đến 18 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Cụ thể, xác định được Trần Quốc A đã cho 11 người vay lãi nặng (gồm bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Ngọc V1, bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Trần Thị L, ông Trương Trọng Đ, bà Hàng Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị Minh P, bà Nguyễn Thị L1, bà Huỳnh Thị H2, bà Nguyễn Thị Thu H3) thu lợi bất chính 66.769.178 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số: 10/CT-VKSNT-P1 ngày 12/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiếm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về tài chính của người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4] Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo.

[5] Đối với Huỳnh Lê Bảo H, khi nhận tiền do Nguyễn Thị Mỹ H1 chuyển khoản để trả cho bị cáo, H không biết lãi suất, hình thức cho vay như thế nào Cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H là phù hợp.

[6] Về biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với một điện thoại di động hiệu POCO C40 màu đen của Trần Quốc A là phương tiện, công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 156.000.000 đồng mà Trần Quốc A dùng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Trong đó:

[6.2.1] Số tiền vay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho Trần Quốc A gồm bà Trần Thị Thu T 1.600.000 đồng, ông Trương Trọng Đ 400.000 đồng, bà Hàng Thị Tuyết M 1.700.000 đồng, bà Huỳnh Thị H2 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Minh P 5.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu H3 5.000.000 đồng. Buộc bà Trần Thị Thu T, ông Trương Trọng Đ, bà Hàng Thị Tuyết M, bà Huỳnh Thị H2, bà Nguyễn Thị Minh P, bà Nguyễn Thị Thu H3 nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền này.

[6.2.2] Số tiền vay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho Trần Quốc A là 141.800.000 đồng, buộc Trần Quốc A phải nộp lại số tiền này vào Ngân sách Nhà nước.

[6.3] Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.580.822 đồng (làm tròn 4.581.000 đồng) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6.4] Đối với số tiền thu lợi bất chính, buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay gồm bà Trần Thị Thu T số tiền 9.589.041 đồng (làm tròn 9.589.000 đồng); ông Nguyễn Ngọc V1 số tiền 4.536.986 đồng (làm tròn 4.537.000 đồng); bà Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền 2.268.493 đồng (làm tròn 2.268.000 đồng); bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 595.890 đồng (làm tròn 596.000 đồng), bà Trần Thị L số tiền 400.685 đồng (làm tròn 401.000 đồng), ông Trương Trọng Đ số tiền 1.504.110 đồng (làm tròn 1.504.000 đồng), bà Hàng Thị Tuyết M số tiền 9.542.466 đồng (làm tròn 9.542.000 đồng), bà Nguyễn Thị Minh P số tiền 3.256.849 đồng (làm tròn 3.257.000 đồng), bà Nguyễn Thị L1 số tiền 16.725.342 đồng (làm tròn 16.725.000 đồng), bà Huỳnh Thị H2 số tiền 1.335.616 đồng (làm tròn 1.336.000 đồng), bà Nguyễn Thị Thu H3 số tiền 17.013.699 đồng (làm tròn 17.014.000 đồng).

[7] Quan điểm của Viện Kiểm sát về việc định tội và định khung hình phạt; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc A 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng: Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Căn cứ: Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1 Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu POCO màu đen, số IMEI 1: 86598052193984, số IMEI 2: 862598052193992, bên trong gắn sim 0933204280 đã qua sử dụng là phương tiện, công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/6/2025 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-T, tỉnh Ninh Thuận và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N).

2.2 Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các khoản sau:

Buộc bị cáo nộp số tiền 141.800.000 đồng và số tiền 4.581.000 đồng. Tổng cộng 146.381.000 đồng (*bằng chữ: một trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng*) vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Trần Thị Thu T nộp lại số tiền vay chưa trả là 1.600.000 đồng (*bằng chữ: một triệu sáu trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc ông Trương Trọng Đ nộp lại số tiền vay chưa trả là 400.000 đồng (*bằng chữ: bốn trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Hàng Thị Tuyết M nộp lại số tiền vay chưa trả là 1.700.000 đồng (*bằng chữ: một triệu bảy trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Huỳnh Thị H2 nộp lại số tiền vay chưa trả là 500.000 đồng (*bằng chữ: năm trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh P nộp lại số tiền vay chưa trả là 5.000.000 đồng (*bằng chữ: năm triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H3 nộp lại số tiền vay chưa trả là 5.000.000 đồng (*bằng chữ: năm triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.3 Buộc bị cáo trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Trần Thị Thu T số tiền 9.589.000 đồng (*bằng chữ: chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc V1 số tiền 4.537.000 đồng (bằng chữ: bốn triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền 2.268.000 đồng (bằng chữ: hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 596.000 đồng (bằng chữ: năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Trần Thị L số tiền 401.000 đồng (bằng chữ: bốn trăm lẻ một nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Trương Trọng Đ số tiền 1.504.000 đồng (bằng chữ: một triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Hàng Thị Tuyết M số tiền 9.542.000 đồng (bằng chữ: chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh P số tiền 3.257.000 đồng (bằng chữ: ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 16.725.000 đồng (bằng chữ: mười sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Huỳnh Thị H2 số tiền 1.336.000 đồng (bằng chữ: một triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H3 số tiền 17.014.000 đồng (bằng chữ: mười bảy triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- VKSND Tp. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an Tp. PR-TC;
- CQTHAHS Công an Tp. PR-TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Trương Trần Thanh Thư